CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn

Ngày 31/03/2025	12,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**7.8%**	**0.9%**

DT thuần
Q1/25
75.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼240| -76.0%
YoY: ▲ 5.90| 8.5%

LN thuần
Q1/25
3.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.6| -76.1%
YoY: ▲ 1.58| 66.5%

LN sau thuế
Q1/25
3.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.3| -76.5%
YoY: ▲ 1.26| 67.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
6.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q1/25
6.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

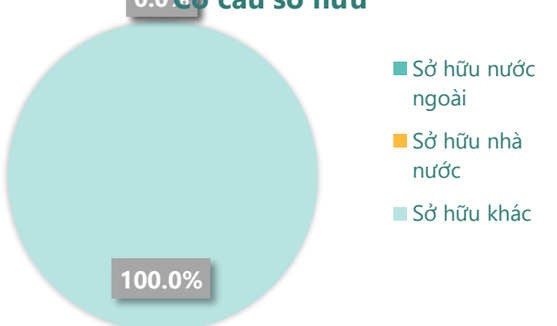
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,200 - 15,862
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	481
Số lượng CPLH (CP)	38,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,850
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.18
EPS	649
P/E	19.3

DT thuần
2024
653
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 284| 76.8%

LN thuần
2024
29.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1| 123%

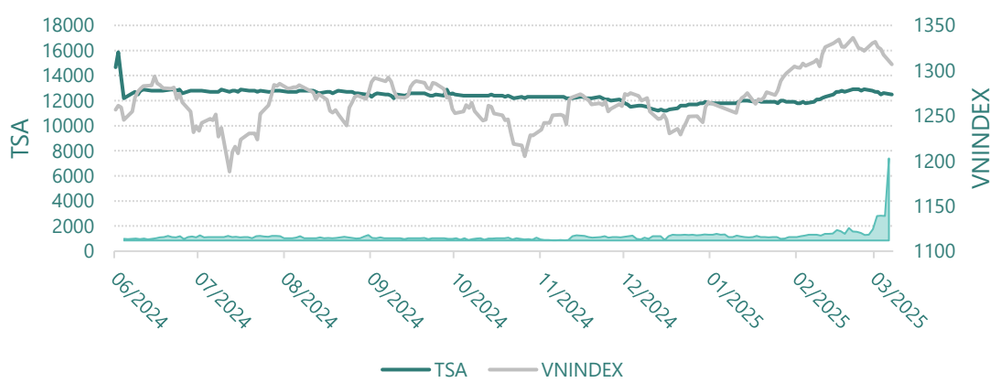
LN sau thuế
2024
23.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.5| 135%

Cơ cấu sở hữu

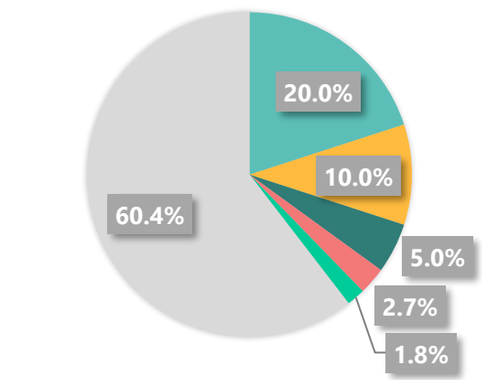


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



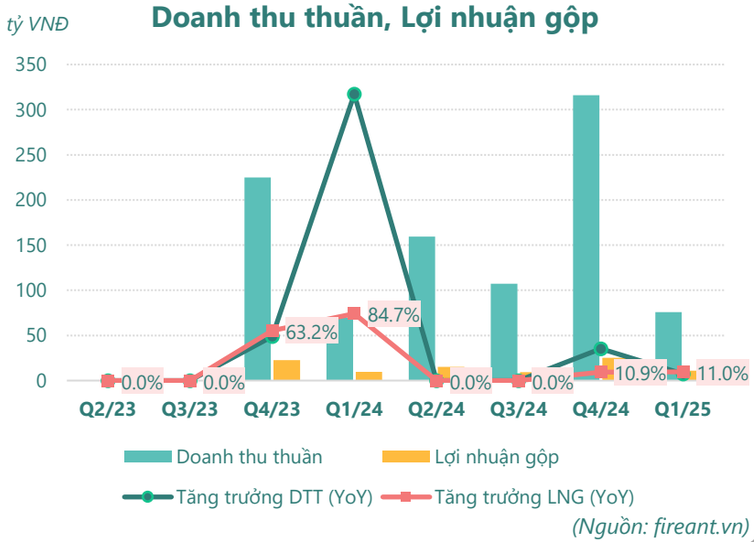
Cơ cấu cổ đông

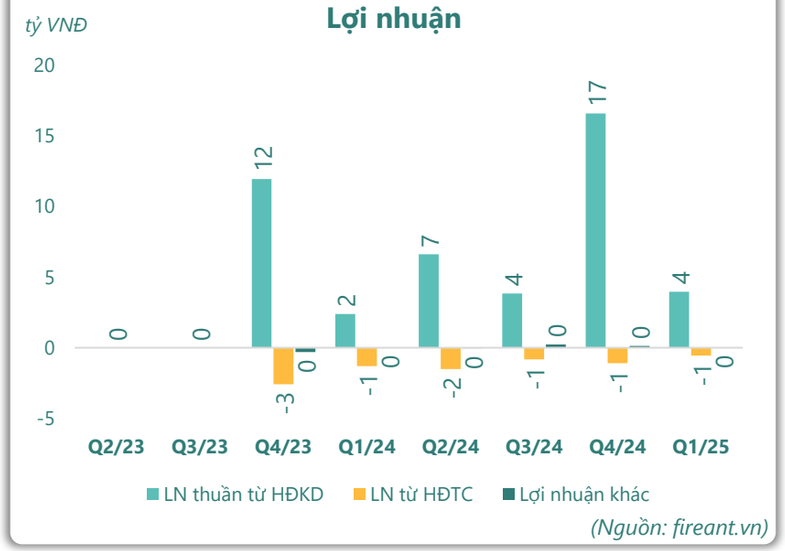


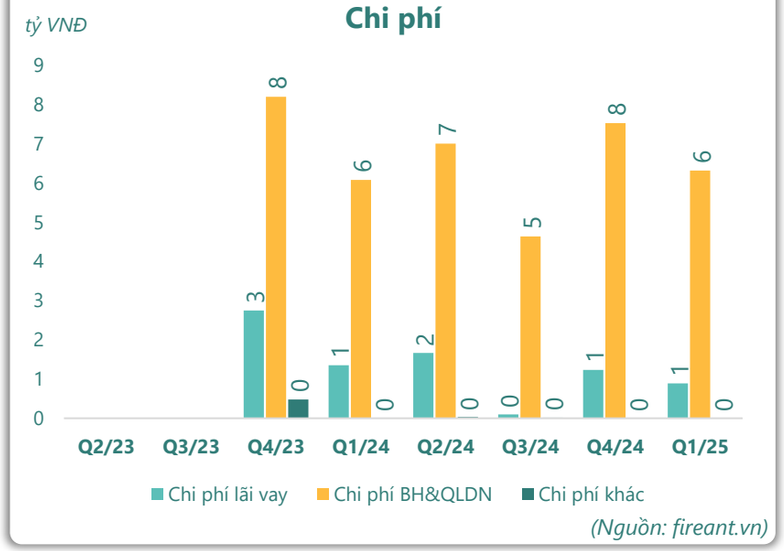
- Nguyễn Văn Trường (Chủ tịch HĐQT)
- Hoàng Kim Huế
- Nguyễn Diệu Linh
- Đặng Văn Thuyết (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Thỏa (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

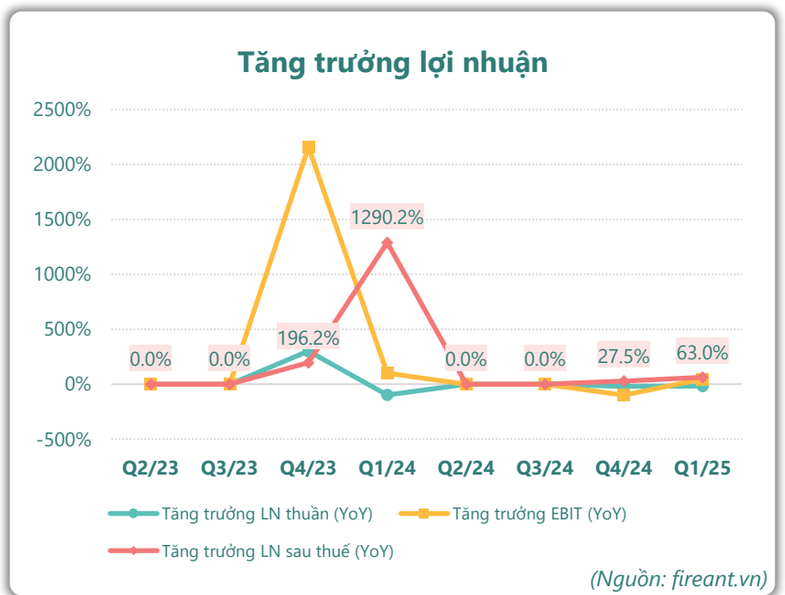
(Nguồn: fireant.vn)

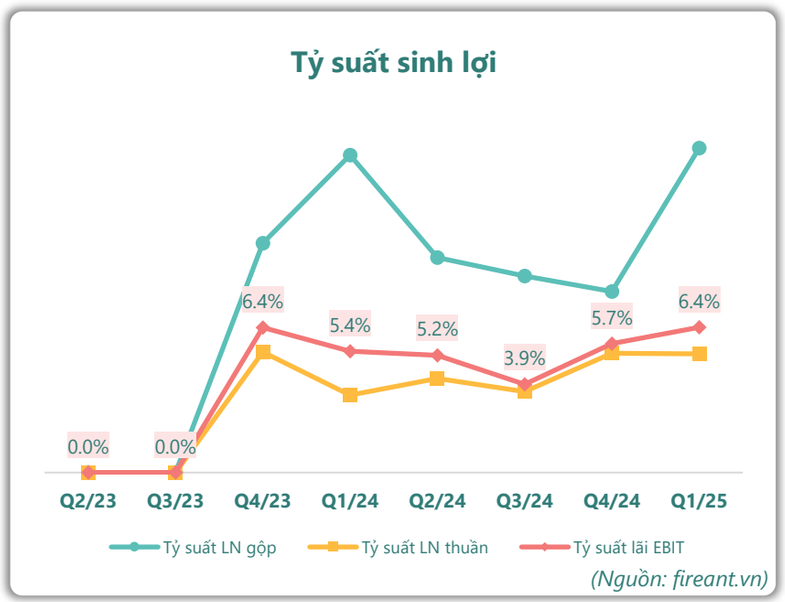
KẾT QUẢ KINH DOANH

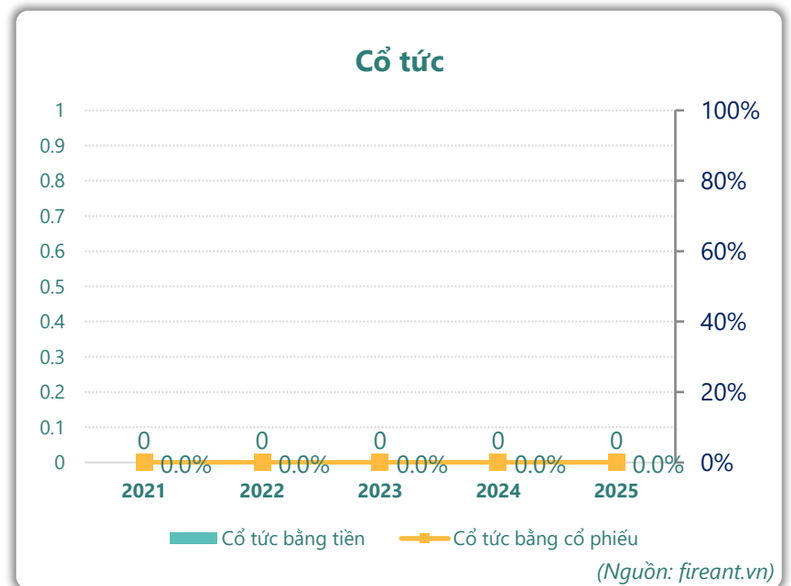






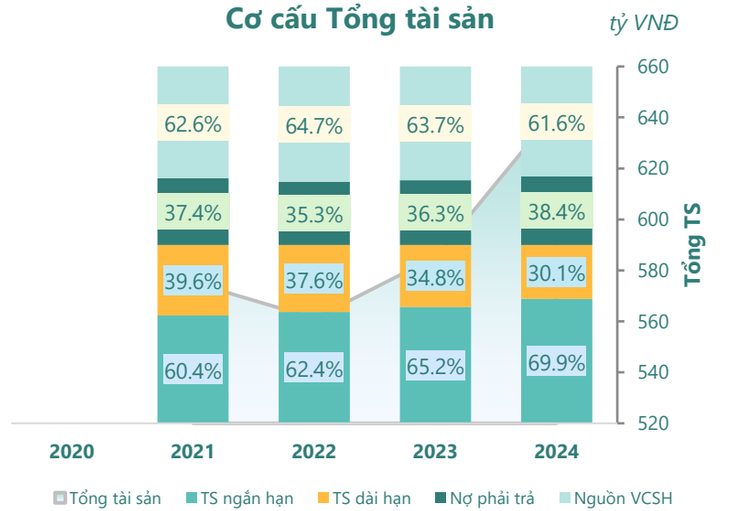






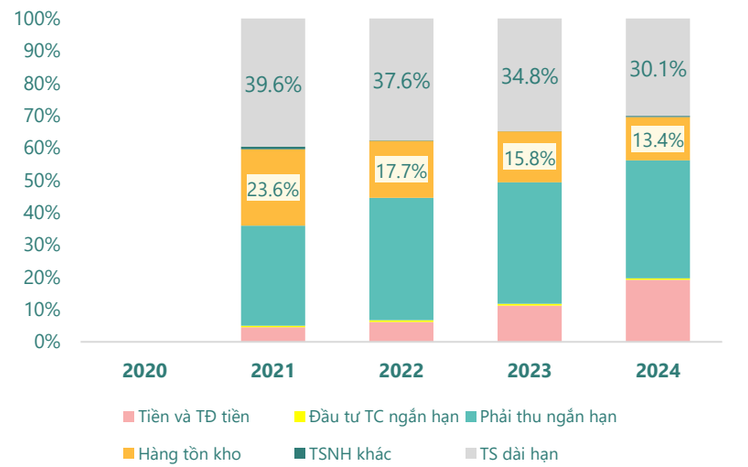
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



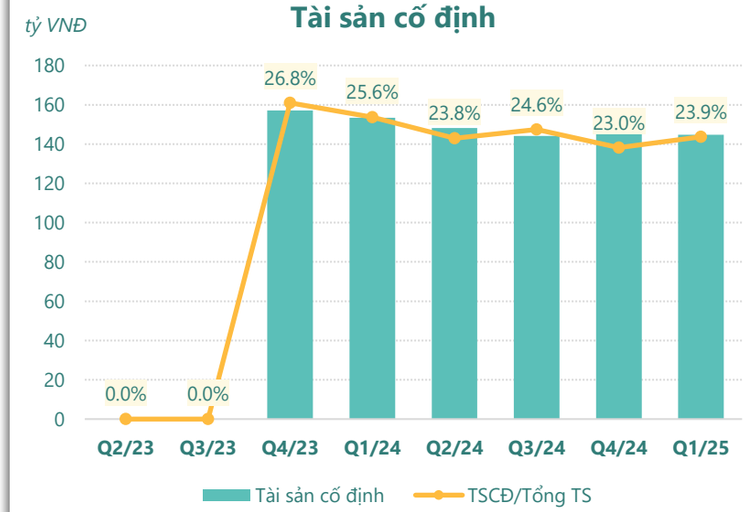
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



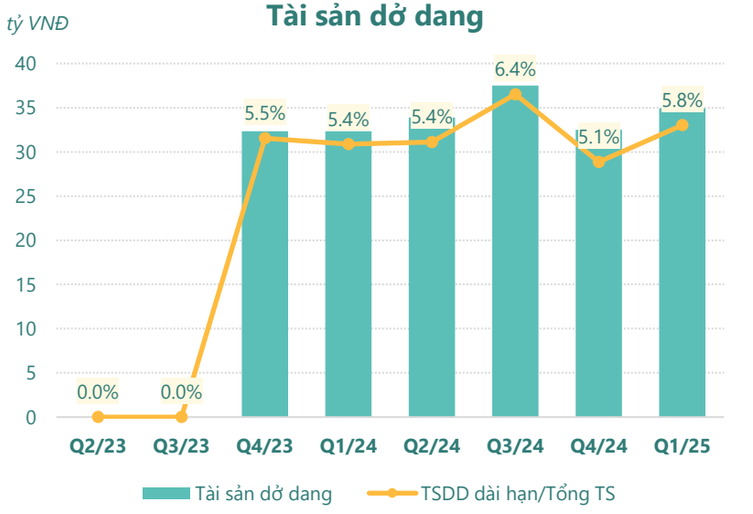
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



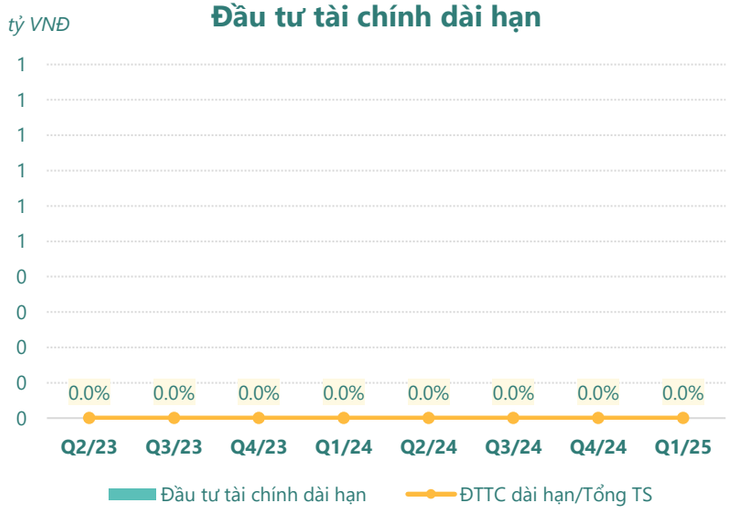
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



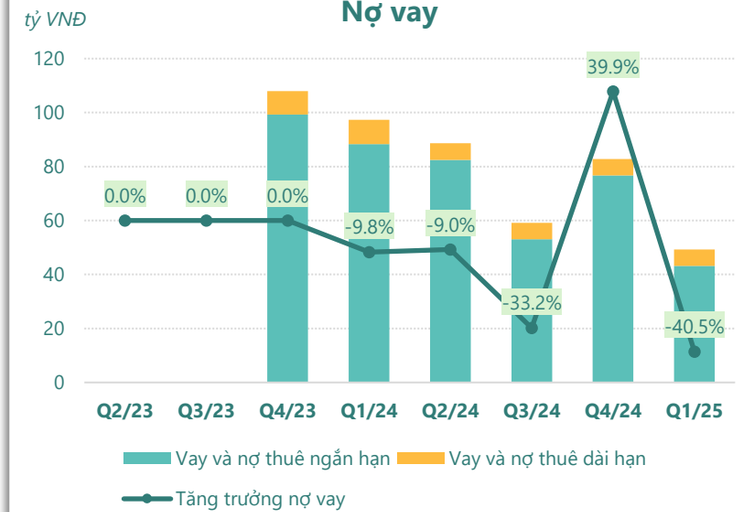
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

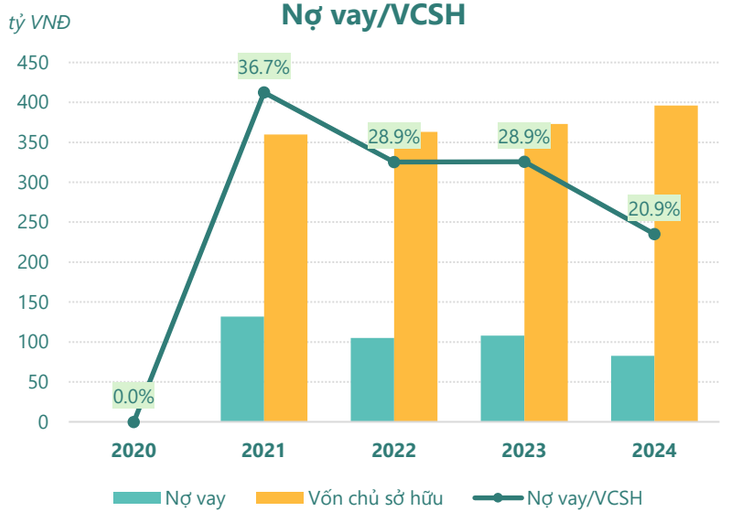
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

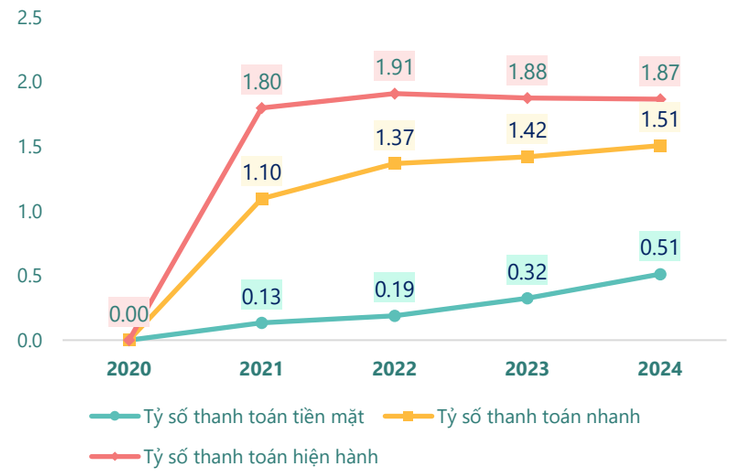
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



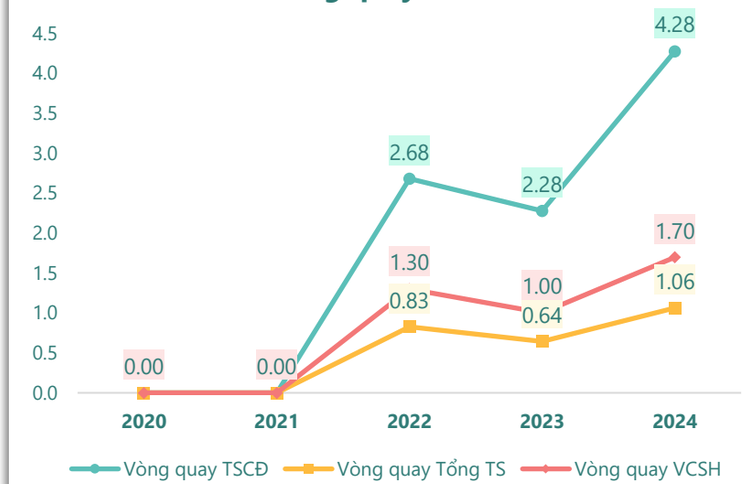
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



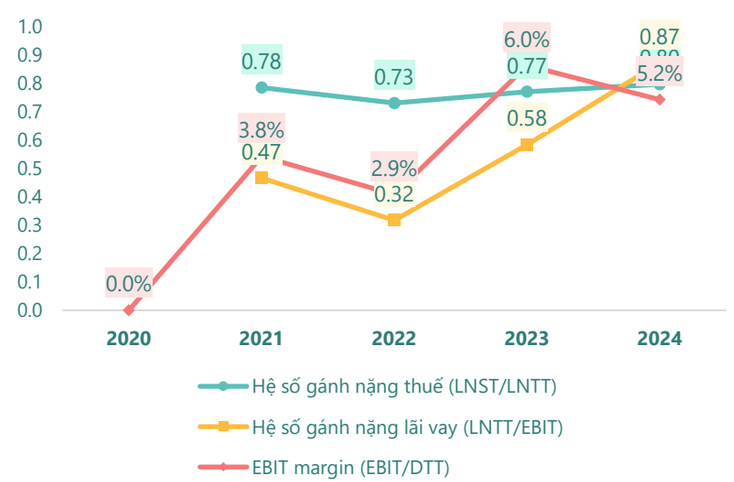
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



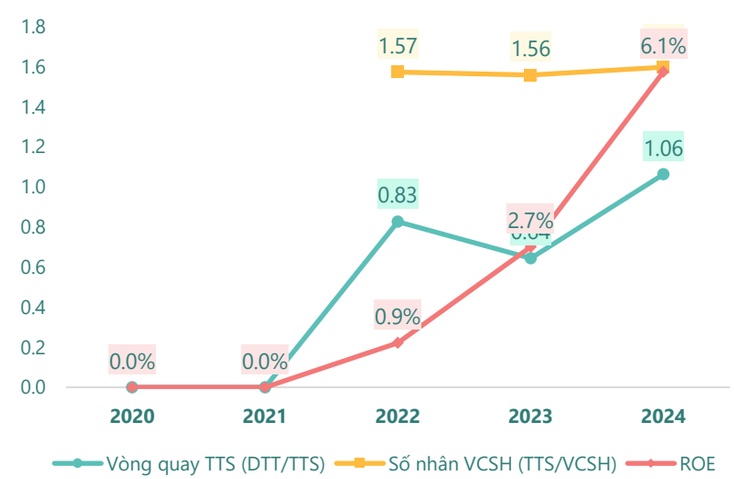
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



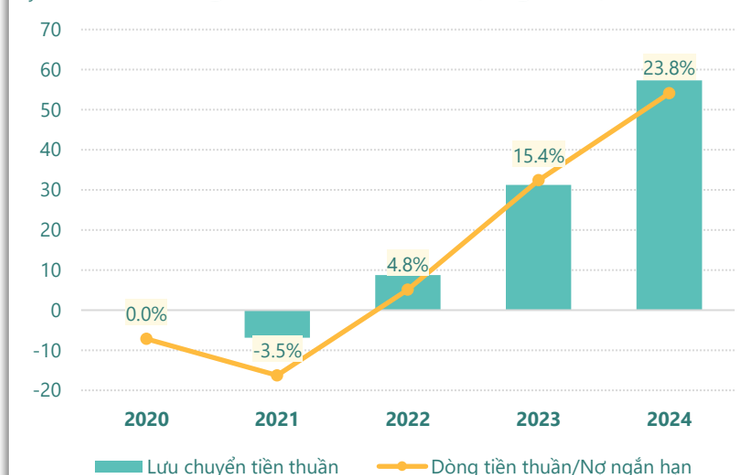
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**75.7**	**69.8**	**8.5%**	**653**	**369**	**76.8%**
Giá vốn hàng bán	64.9	60.0	8.2%	593	326	82.0%
Lợi nhuận gộp	10.8	9.76	11.1%	59.4	43.3	37.3%
Doanh thu HĐTC	0.33	0.05	567%	0.49	0.28	73.3%
Chi phí TC	0.89	1.35	-33.9%	5.21	9.28	-43.8%
Chi phí lãi vay	0.89	1.35	-33.9%	4.35	9.28	-53.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.35	1.98	-31.8%	6.75	8.13	-17.0%
Chi phí QLDN	**4.97**	**4.10**	**21.2%**	**18.7**	**13.1**	**43.4%**
LN thuần từ HĐKD	3.96	2.38	66.5%	29.2	13.1	123%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.34**	**-0.07**	**576%**
LN trước thuế	3.96	2.38	66.4%	29.6	13.0	127%
Lợi nhuận sau thuế	**3.14**	**1.88**	**67.2%**	**23.5**	**10.0**	**135%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.14**	**1.88**	**67.2%**	**23.5**	**10.0**	**135%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-4.80	12.5	15.4	68.7	-86.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-1.31	-1.41	-5.19	-1.45	-1.62
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-10.6	-8.73	-29.4	23.6	1.51
Tiền đầu kỳ	0	65.9	49.2	51.6	32.3	123
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-16.7**	**2.38**	**-19.2**	**90.9**	**-86.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	49.2	51.6	32.3	123	36.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**604**	**643**	**-6.0%**
Tài sản ngắn hạn	412	449	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	36.3	123	-70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.14	3.14	0.0%
Phải thu ngắn hạn	204	235	-13.2%
Hàng tồn kho	160	86.4	85.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.56	1.89	353%
Tài sản dài hạn	**193**	**194**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	8.57	8.57	0.0%
Tài sản cố định	145	148	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.9	32.5	7.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.55**	**4.65**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	170	247	-31.1%
Nợ ngắn hạn	**164**	**241**	**-31.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.2	76.7	-43.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.2	128	-41.5%
Nợ dài hạn	6.12	6.12	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.12	6.12	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**434**	**396**	**9.6%**
Vốn chủ sở hữu	**434**	**396**	**9.6%**
Vốn điều lệ	385	350	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)